

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-10 -2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa
2. Ông Tô Văn Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị M, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: Số 201B ấp B, xã T, huyện C, tỉnh B; địa chỉ tạm trú: 120/10 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn K, sinh năm 1984; ; Địa chỉ thường trú: Số 201B ấp B, xã T, huyện C, tỉnh B; địa chỉ tạm trú: 120/10 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M và anh Phan Văn K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2014 ngày 12/5/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm ăn tại Bình Dương. Chị M làm nghề buôn bán còn anh K làm công nhân, thu nhập mỗi người trên 10.000.000 đồng/tháng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng cách đây 02 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính

tình vợ chồng không hợp nhau, anh K đi làm về thì thường hay nằm chơi game, vợ chồng không nói chuyện với nhau, dần dần cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng đang thuê nhà sống cùng với gia đình của chị ruột chị M, tuy nhiên vợ chồng không còn ngủ chung, không nói chuyện khoảng 01 năm nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh K được nữa, vì vậy chị M xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng chị M và anh K có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Bảo N, sinh ngày 06/7/2014. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phan Văn K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị M kết hôn năm 2012, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh B.

Quá trình chung sống vợ chồng cũng có hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng anh K nhận thấy cũng bình thường, nhưng anh cũng không biết lý do tại sao mà gần một năm nay vợ chồng anh không nói chuyện được với nhau, anh nói gì chị M cũng không trả lời; hàng ngày anh đi làm về cũng có phụ giúp vợ việc nhà, sau đó cũng có chơi game bằng điện thoại, còn chị M thì hay đi chơi với bạn bè nên vợ chồng không có thời gian nói chuyện với nhau. Từ Tết năm rồi vợ chồng có cãi nhau chuyện về quê do chị M lấy lý do dịch bệnh không chịu về quê. Từ đó mới xảy ra mâu thuẫn vợ chồng như hiện nay. Nay chị M đòi ly hôn thì anh K cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Bảo N, sinh ngày 06/7/2014. Tuy nhiên, anh K không đồng ý giao con chung cho chị M nuôi vì lý do chị M làm nghề buôn bán tự do không thể đưa đón con đi học được, còn anh K làm công nhân có thể sắp xếp thời gian để đưa con đi học; đồng thời gia đình anh K chỉ mới có 01 đứa cháu nội là bé Phan Ngọc Bảo N nên có nguyện vọng muốn được nuôi con. Nếu anh K được nuôi con thì anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Còn về mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng mà chị M yêu cầu thì anh đồng ý, nhưng anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc giải quyết vụ án đã đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị M yêu cầu được ly hôn và anh K cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M với anh K. Về con chung: xét cháu Phan Ngọc Bảo N là con gái nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của mẹ, cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng mà chị M yêu cầu thì anh K cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M và anh Phan Văn K là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh B, theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2014 ngày 12/5/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị M xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ 02 năm trở lại đây, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự quan tâm lẫn nhau cho dù chung sống cùng trong một nhà nhưng việc ai nấy làm, không nói chuyện được với nhau trong một thời gian dài (gần 1 năm) dẫn tới tình cảm vợ chồng ngày càng nguội lạnh. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị M yêu cầu được ly hôn. Anh K thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là không nói chuyện được với nhau, nhưng chị M đã cương quyết ly hôn thì anh K cũng đồng ý.

[2] Về con chung: Giữa chị Trương Thị M và anh Phan Văn K có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Bảo N, sinh ngày 06/7/2014. Cả chị M và anh K đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*. Chị M và anh K không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, Tòa án sẽ quyết định việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng trên cơ sở xem xét về mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên.

[3] Theo xác nhận của cả chị M và anh K thì hiện tại vợ chồng đang ở nhà thuê cùng với gia đình của chị gái chị M (hai gia đình ở chung một căn nhà), chị M làm nghề buôn bán tự do (bán đồ ăn sáng), anh K làm công nhân. Do đó, xét điều kiện thực tế về thời gian, chỗ ở thì chị M có thời gian và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đưa đón con đi học hơn so với anh K. Đồng thời, cháu Phan Ngọc Bảo N còn nhỏ và là con gái nên rất cần sự gần gũi, chăm sóc, dạy dỗ của mẹ. Do đó, cần giao cháu N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu, bảo đảm quyền lợi của phụ nữ và trẻ em khi ly hôn. Anh K không đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh không chứng minh được bản thân anh có điều kiện phù hợp hơn để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, trong khi đó anh K làm công nhân theo ca và cũng thường xuyên tăng ca là không thuận lợi trong việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; hơn nữa một trong những lý do chính mà anh K yêu cầu được nuôi con mà anh trình bày tại phiên tòa là do gia đình anh chỉ mới có 01 đứa cháu duy nhất là con anh nên anh không đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Đây là một lý do không chính đáng, không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng, anh K khai mức thu nhập của anh hàng tháng là trên 10.000.000 đồng và anh cũng chấp nhận mức cấp dưỡng này, do đó mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng mà chị M yêu cầu là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Trương Thị M với anh Phan Văn K.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị M chịu án phí ly hôn, anh Phan Văn K chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5, Điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 92, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 và Điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M được ly hôn với anh Phan Văn K (Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2014 ngày 12/5/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh B cấp).

2. Về con chung: Buộc anh Phan Văn K giao con chung là cháu Phan Ngọc Bảo N, sinh ngày 06/7/2014 cho chị Trương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Trương Thị M phải tạo điều kiện cho anh Phan Văn K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh Trương Văn K thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Văn K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phan Ngọc Bảo N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Trương Thị M có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Phan Văn K không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng anh Phan Văn K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0049538 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Phan Văn K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

6. Nguyên đơn chị Trương Thị M và bị đơn anh Phan Văn K có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Thanh**





